

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH
PHỤ TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2019/HS-ST

Ngày 10/9/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Đức Nhân

Ông Đào Duy Thiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24/10/1998 tại tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 12/6/2019, đến ngày 15/6/2019 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. (có mặt)

- Người bị hại: Ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1960

Trú tại: thôn Tr, xã Đ, thành phố Th (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 11/6/2019 Nguyễn Văn Đ đang đi bộ ở khu vực gần ngã tư đường L giao với đường Tr, thành phố Thái Bình để đón xe buýt về Quỳnh Phụ thì gặp ông Phạm Ngọc K làm nghề xe ôm tại bến xe khách Thái Bình đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Waves màu sơn đỏ-xám-đen biển kiểm soát 17B1-xxx.xx đi cùng chiều. Ông K hỏi Đ “*Có đi xe ôm không?*”. Đ hỏi lại Ông K “*Về Quỳnh Phụ giá bao nhiêu tiền?*”. Sau khi thống nhất giá, Ông K điều khiển xe mô tô chở Đ đi theo Quốc lộ 10 về huyện Quỳnh Phụ. Đi được một đoạn, Ông K hỏi Đ “*Về xã nào?*”. Do không có tiền chi tiêu, quan sát thấy Ông K đã già khó có khả năng chống cự nên Đ đã nảy sinh ý định cướp chiếc xe mô tô của Ông K bán lấy tiền tiêu cá nhân. Do biết đoạn đường xã Đ có nhiều chỗ vắng người qua lại có thể thực hiện được hành vi chiếm đoạt tài sản của Ông K nên Đ bảo Ông K đi về xã Đ. Ông K nói với Đ đi lối cầu V, nhưng Đ không biết đường nên Đ bảo Ông K đi lối ngã tư V, xã A, huyện Q. Sau đó, Ông K chở Đ đi theo Quốc lộ 10, đến ngã tư V rẽ phải về xã Đ. Khi về đến xã Đ, Ông K hỏi Đ “*nhà ở đâu?*”. Do lúc này, khu vực xã Đ có nhiều người qua lại nên Đ chỉ đường cho Ông K đi sang xã Th, xã Thụy N, huyện Th rồi đi lên đê Hệ xã Th sang đê xã A, xã An huyện Q. Đến khoảng 20 giờ, khi đi đến đoạn đê thuộc địa phận thôn Th, xã A, Đ quan sát xung quanh thấy đường vắng, liền lấy trong chiếc túi giả da màu đen đeo trước ngực ra 01 con dao gấp màu đen, kích thước 20cm, lưỡi dao dài 09cm, sắc, đầu nhọn, cầm dao bằng tay phải, vòng tay qua dí sát dao vào cổ Ông K rồi nói “*Mày dừng ngay xe lại, im mồm không được hét?*”. Ông K hoảng sợ, phanh gấp thì cả hai bị ngã ra đường. Đ đứng dậy, tiếp tục cầm dao dọa Ông K “*Không được hét, mày hét tao giết chết?*” rồi dựng xe lên nói “*đưa xe đây?*”, Ông K nói “*cho chú xin ít tiền để đi về?*”, Đ quát “*câm mồm?*” rồi ngồi lên xe mô tô nổ máy, điều khiển xe đi về hướng Quốc lộ 10. Gần đến Quốc lộ 10, Đ dừng xe bỏ dao vào trong túi giả da rồi tiếp tục điều khiển xe đi về nhà ở thôn T, xã A, huyện Q. Về đến nhà, Đ gặp bố đẻ là ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1976, ở cùng địa chỉ. Ông Tr hỏi Đ về chiếc xe mô tô thì Đ đã kể lại toàn bộ sự việc, Ông Tr đã động viên và đưa Đ đến Công an huyện Quỳnh Phụ để đầu thú và giao nộp toàn bộ vật chứng cho cơ quan điều tra.

Kết quả kiểm tra xe mô tô Honda Waves biển kiểm soát 17B1-xxx.xx ngay sau khi Đ giao nộp thể hiện: *trong cốp xe có 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe mang tên Phạm Ngọc K và số tiền 5.000.000 đồng*. Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận: “*Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS, biển kiểm soát 17B1-xxx.xx có giá trị là 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng)*”. Như vậy tổng giá trị tài sản Đ chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc K là 14.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ không có ý kiến hay khiếu nại gì về Biên bản kiểm tra xe và kết luận định giá tài sản nêu trên.

Cáo trạng số 67/CT-VKSQP ngày 15/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Nguyễn Văn Đ về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cướp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt Nguyễn Văn Đ mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Ngoài ra, còn đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận với Kiểm sát viên. Bị cáo nói lời sau cùng tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với đơn trình báo và lời khai của người bị hại là ông Phạm Ngọc K(bút lục số 01, 98-105). Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập hồi 23 giờ 20 phút ngày 11/6/2019 (bút lục số 02) và biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập lập hồi 23 giờ 55 phút ngày 11/6/2019 (bút lục số 05); Sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Quỳnh Phụ lập ngày 12/6/2019 (bút lục số 43);Biên bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ (bút lục số 11) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 11/6/2019, tại đường đê thuộc địa phận thôn Th, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi dùng dao nhọn bằng kim loại khống chế ông Phạm Ngọc K khi Ông K đang chở Đ lưu thông trên đường nhằm chiếm

đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS màu đỏ xám đen, biển kiểm soát 17B1 - xxx.xx trị giá 9.000.000 đồng, trong cốp xe còn có số tiền 5.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của Ông K là 14.000.000đ(Mười bốn triệu đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 168. Tội Cướp tài sản- Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

- a) Có tổ chức;*
- b) Có tính chất chuyên nghiệp;*
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30%;*
- d) Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác;*

...

6. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại rất lớn cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh và ý thức coi thường pháp luật. Hành vi đó không những đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người bị hại, gây mất trật tự tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhất thời phạm tội. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, được sự động viên của người thân đã chủ động đến cơ quan công an đầu thú và giao nộp lại toàn bộ tài sản đã chiếm đoạt. Trong quá trình điều tra, truy tố

cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo không gây ra thương tích gì cho người bị hại, bản thân người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường bất cứ khoản tiền nào nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS màu đỏ xám đen, biển kiểm soát 17B1 - xxx.xx; 01 đăng ký xe; 01 giấy phép lái xe và số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của ông Phạm Ngọc K, Cơ quan cảnh sát điều tra - công an huyện Quỳnh Phụ đã trả lại cho Ông K theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu lập ngày 27/6/2019 (Bút lục số 47), Ông K đã nhận toàn bộ giấy tờ, tài sản và không có ý kiến đề nghị gì khác nên cần chấp nhận.

Đối với 01 con dao gấp màu đen, chiều dài 20 cm, lưỡi dài 09 cm, sắc, đầu nhọn là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội và 01 túi giả da có dây đeo màu đen đã cũ, không còn giá trị sử dụng, bị cáo không đề nghị nhận lại nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 12/6/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao gấp màu đen, chiều dài 20 cm, lưỡi dài 09 cm, sắc, đầu nhọn; 01 túi giả da có dây đeo màu đen (các vật chứng có đặc điểm chi tiết ghi tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 66 ngày 15/8/2019 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/9/2019). Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- CQĐT, CQTHAHS, Nhà Tạm giữ
(Công an huyện Quỳnh Phụ);
- UBND xã A, h. Q;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phụng

